

Bản án số: 73./2024/HS-ST
Ngày: 27-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Đổi;
- Ông Nguyễn Văn Hân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Tài, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thuận Hải và bà Võ Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2024/TLHS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Thanh H, sinh năm 1996, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Thanh H1, sinh năm 1970 và bà Cao Thị B, sinh năm 1976; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 26-4-2024, chuyển tạm giam ngày 05-5-2024 cho đến nay; bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh H: Ông Lê Minh H2, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Võ Quốc T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

Người bị hại:

- Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.
- Anh Trần Minh S, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do ở cạnh nhà nên Phạm Thanh H biết nhà bà Phạm Thị Kim L ngụ khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (là cô ruột của H, ở cạnh nhà H) có tài sản, vào ban ngày không có người ở nhà nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhà bà L bán lấy tiền để mua chứng khoán, tiêu xài cá nhân và trả nợ. Từ ngày 09-4-2024 đến ngày 23-4-2024, H thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản tại nhà bà L:

Vụ thứ nhất: Khoảng 06 giờ 15 phút ngày 09-4-2024, H đi bộ qua nhà bà L xin rau, sau khi hái rau xong H quay ra đi ngang phòng ngủ của bà L thấy cửa phòng không khóa, lợi dụng anh Trần Minh S, sinh năm 1992 (là con ruột bà L) không chú ý, H đi vào phòng lục soát thì phát hiện dưới nệm có nhiều túi gấm màu đỏ đựng vàng, H lấy 01 túi gấm bên trong có 04 chiếc nhẫn vàng 24k, mỗi chiếc 05 chỉ, tổng trị giá 142.133.320 đồng (*theo Kết luận định giá tài sản số 27 ngày 10-5-2024*) bỏ vào túi quần và đi về nhà. Sau đó, H mang vàng trộm được đến làm việc tại Công ty TNHH M thuộc khu công nghiệp T. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, H xin phép đi ra ngoài, mang 04 chiếc nhẫn đến tiệm V thuộc khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh bán được số tiền 145.000.000 đồng. H đến Ngân hàng S1 Trảng Bàng nạp toàn bộ số tiền trên vào tài khoản số 060260934786 mang tên Phạm Thanh H tham gia chơi chứng khoán và trả nợ hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 06 giờ 45 phút ngày 11-4-2024, H đi ra phía sau nhà leo qua hàng rào kẽm B40, đột nhập từ cửa sau đi vào phòng ngủ của bà L lục soát dưới nệm lấy 09 chiếc nhẫn vàng 24k, mỗi chiếc 05 chỉ, tổng trị giá là 321.449.985 đồng (*theo Kết luận định giá tài sản số 27 ngày 10-5-2024*) bỏ vào túi quần và đi về nhà. H đi làm và mang vàng theo, đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, H đến tiệm V1 thuộc khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh bán 03 chiếc nhẫn được số tiền 113.000.000 đồng. Ngày 12-4-2024, H đến Ngân hàng S1 Trảng Bàng nạp số tiền trên vào tài khoản số 060260934786 mang tên Phạm Thanh H. Còn 06 chiếc nhẫn còn lại, ngày 12 và ngày 13-4-2024, H tiếp tục đem đến tiệm V bán nhiều lần, không nhớ được bao nhiêu tiền. H đã sử dụng tham gia chơi chứng khoán và trả nợ.

Vụ thứ ba: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 15-4-2024, với cách thức như trên, H đột nhập từ cửa sau đi vào phòng ngủ của bà L, đến dưới nệm lấy 08 chiếc nhẫn trơn vàng 24k, mỗi chiếc 05 chỉ và 01 sợi dây chuyền vàng 24k 05 chỉ, tổng trị giá là 322.949.970 đồng (*theo Kết luận định giá tài sản số 27 ngày 10-5-2024*) bỏ vào túi quần và về nhà đi làm. Sau đó, H đem toàn bộ số vàng đến tiệm V bán được số tiền là 267.000.000 đồng và tiếp tục đến ngân hàng S1 nạp tiền vào tài khoản để tiêu xài, mua cổ phiếu.

Vụ thứ tư: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23-4-2024, H cũng đột nhập vào nhà bà L từ cửa sau, đi vào phòng ngủ của anh Trần Minh S lục soát, thấy trong tủ quần áo bằng gỗ có túi da màu đen, bên trong có hộp nhung màu đỏ có 01 sợi dây chuyền vàng 24k 04 chỉ; 01 lắc tay vàng 24k 02 chỉ; 01 kiềng đeo cổ vàng 24k 02 chỉ; 01 đôi bông tai vàng 24k 01 chỉ; 02 nhẫn vàng 24k mỗi chiếc 01 chỉ; 05 nhẫn vàng 24k mỗi chiếc 0,5 chỉ, tổng trị giá là 96.390.000 đồng (*Kết luận*

định giá tài sản số 27 ngày 10-5-2024). H lấy toàn bộ số vàng trên cầm trên tay rồi tiếp tục đi qua phòng ngủ của bà L lục soát trong tủ quần áo lấy số tiền 20.000.000 đồng. H bỏ tiền và vàng vào túi quần rồi đi về nhà. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, H đem 07 nhẫn trơn, 01 lắc tay và 01 sợi dây chuyền đến tiệm V2 thuộc khu phố S, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh bán được số tiền 71.550.000 đồng. Sau đó, đến Ngân hàng S1 Trảng Bàng nạp số tiền 70.000.000 đồng vào tài khoản của H, mua 250 cổ phiếu số tiền 73.700.000 đồng, bị thua lỗ. Khoảng 14 giờ ngày 24-4-2024, H lấy 01 kiềng đeo cổ, 01 đôi bông tai còn lại đem đến tiệm V3 thuộc khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh bán được số tiền 20.800.000 đồng. H đem tiền bán vàng và số tiền 20.000.000 đồng đến trụ ATM ngân hàng S1 Trảng Bàng nạp vào tài khoản ngân hàng S1 mang tên Cao Thị B (mẹ của H) số tiền 40.000.000 đồng. H chuyển từ tài khoản ngân hàng của bà B sang tài khoản ngân hàng S1 của H, sử dụng trả nợ.

Số tiền trộm cắp tại nhà bà L, H sử dụng mua chứng khoán, tiêu xài cá nhân và trả nợ cho chị Hồ Ngọc H3, ngụ khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh số tiền 55.000.000 đồng; chị Phạm Thị Y, ngụ ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An số tiền 27.000.000 đồng; chị Phan Thị L1, ngụ khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh số tiền 70.000.000 đồng.

** Kết luận định giá tài sản số 27 ngày 10-5-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T, tỉnh Tây Ninh kết luận:* Tổng cộng số vàng H trộm cắp tại nhà bà L trị giá là 882.923.275 đồng.

** Về bồi thường thiệt hại:* Anh Trần Minh S ủy quyền cho bà Phạm Thị Kim L, bà L yêu cầu Phạm Thanh H bồi thường số tiền 902.923.275 đồng, H chưa bồi thường. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh số tiền 70.000.000 đồng để bồi thường cho người bị hại.

** Về kê biên tài sản:* Phạm Thanh H không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Quá trình điều tra, Phạm Thanh H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại Bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-P3 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo: Phạm Thanh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thanh H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp 70 triệu đồng để bồi thường cho người bị hại; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của

Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Thanh H từ 14 (mười bốn) đến 16 (mười sáu) năm tù. Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận gia đình bị cáo đã nộp 70 triệu đồng để bồi thường cho người bị hại và buộc bị cáo bồi thêm số tiền còn lại cho người bị hại. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư H2 bào chữa cho bị cáo H trình bày: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã nộp 70 triệu đồng để bồi thường cho người bị hại; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, để xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thanh H thừa nhận hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo H là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo Phạm Thanh H thấy rằng:

Do ở cạnh nhà nên bị cáo H biết bà L có tài sản và biết được thời gian đi lại và những lúc không có người ở nhà trong coi tài sản nên bị cáo H nảy sinh ý định lén lút vào nhà lấy trộm tài sản của gia đình bà L nhiều lần; cụ thể, từ ngày 09-4-2024 đến ngày 23-4-2024, bị cáo H đã thực hiện 04 lần lén lút vào nhà bà L lục soát dưới nệm và tủ quần áo lấy trộm tài sản với tổng trị giá 902.923.275 đồng. Quá trình điều tra, bị cáo H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Xét thấy lời nhận tội của bị cáo H phù hợp với bản tự khai do bị cáo viết, kết luận giám định, lời khai của người bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định hành vi của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 902.923.275 đồng; do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, nên cáo trạng truy tố bị cáo H là có căn cứ.

[3] Xét vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về

tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại địa phương nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy bị cáo đã tác động gia đình bị cáo nộp số tiền 70 triệu đồng để bồi thường cho người bị hại, nhưng tài sản chiếm đoạt có giá trị lớn. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi gây ra, nhưng do ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo đã bốn lần cố ý thực hiện hành vi phạm tội; do đó cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] *Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H:*

4.1 Tình tiết tăng nặng: Bị cáo H “phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

4.2 Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo H có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo tác động gia đình bị cáo nộp 70 triệu đồng để bồi thường cho người bị hại; tại phiên tòa người bị hại Phạm Thị Kim L và Trần Minh S xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; chấp nhận một phần lời đề nghị của Luật sư H2; nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo H nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo H không có tài sản nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường số tiền giá trị tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại L, S; cụ thể: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại L số tiền 806.533.275 đồng; bồi thường cho bị hại S số tiền 96.390.000 đồng. Ghi nhận gia đình bị cáo nộp số tiền 70 triệu đồng để bồi thường cho người bị hại L.

[7] Về xử lý vật chứng đã thu giữ: xét thấy các tài sản không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy (*có bản kê kèm theo*). Riêng 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Air Blade, màu sơn đen, biển số 70L1 – 290.84 đã thu giữ của bị cáo H; xét thấy, xe này là tài sản hợp pháp của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm a khoản 4, Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”,

+ Xử phạt bị cáo Phạm Thanh H **14 (Mười bốn)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26-4-2024.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 589; Điều 592 của Bộ luật dân sự,

2.1. Buộc bị cáo Phạm Thanh H bồi thường cho người bị hại Trần Minh S số tiền 96.390.000 (Chín mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi nghìn) đồng.

2.1. Buộc bị cáo Phạm Thanh H bồi thường cho người bị hại Phạm Thị Kim L số tiền 806.533.275 (Tám trăm lẻ sáu triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm bảy mươi lăm) đồng.

Ghi nhận gia đình bị cáo H đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng để bồi thường cho người bị hại theo Biên lai thu số 0000674 ngày 08-11-2024. Bà Phạm Thị Kim L được nhận số tiền này; nên buộc bị cáo H tiếp tục bồi thường thêm cho bà L số tiền 736.533.275 (Bảy trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm bảy mươi lăm) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

4.1. Tịch thu tiêu hủy các vật không còn giá trị sử dụng gồm:

- 01 (một) áo khoác vải, dài tay, màu xanh, trên ngực trái có chữ “D & FASION” (đã qua sử dụng);

- 01 (một) áo thun màu đen, ngắn tay, phía trước ngực áo bên trái có chữ “ONMICHU2” (đã qua sử dụng);

- 01 (một) cái quần jean nam dài, màu xám đen, cỡ quần số 28, có chữ “MANISO” (đã qua sử dụng);

- 01 (một) cái áo khoác dài tay, màu xám – trắng, phía trước ngực áo bên trái có chữ “FASHION” (đã qua sử dụng);

- 01 (một) đôi dép quai ngang màu đen, cỡ dép số 41, mặt dưới dép có chữ và số “TM-2092” (đã qua sử dụng);

4.2. Trả lại cho bị cáo H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Air Blade, màu sơn đen, biển số 70L1 – 290.84, số máy JF46E2030896, số khung RLHJF461XEY021649 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe, có vết trầy xước bên hông xe. Theo phiếu trả lại lời xác minh xe ngày 15-5-2024 của Công an thị xã T – Công an tỉnh T; xe mô tô biển số 70L1-290.84; ngày đăng ký: 20-5-2024; Loại xe: Hai bánh từ 50-175 cm³; Nhãn hiệu: HONDA; Số loại: air blade; Màu sơn: Đen; Số máy JF46E2030896, số khung

RLHJF461XEY021649; Dung tích xi lanh: 124 cm³; Năm sản xuất: 2014), nhưng cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án dân sự.

(Các vật chứng trên hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14-10-2024).

5. Án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Phạm Thanh H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 41.646.000 (bốn mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho bị cáo Phạm Thanh H và người bị hại L, S biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- Vụ 1 – TATC (khi bản án có liệu lực);
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh TN;
- VP CQCSĐT CA tỉnh;
- Phòng PV06 CA Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Tuấn